

THUYẾT MINH CƠ SỞ ĐỀ XUẤT MỨC HỖ TRỢ DỰ ÁN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT

I. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI ÁP DỤNG

1. Đối tượng áp dụng

1. Cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp và các tổ chức khác có liên quan trên địa bàn tỉnh, trong đó ưu tiên hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong thời hạn 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo), vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới.

2. Các cơ quan, tổ chức có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện dự án phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

2. Phạm vi áp dụng: Trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

II. MỨC HỖ TRỢ

1. Hỗ trợ dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

1.1. Mức hỗ trợ tối đa 01 dự án: 5.000 triệu đồng.

1.2. Định mức hỗ trợ cho từng đối tượng tham gia dự án

- Hỗ trợ tối đa 90% kinh phí thực hiện các nội dung được phê duyệt nhưng **không quá 110 triệu đồng/hộ** đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Hỗ trợ tối đa 70% kinh phí thực hiện các nội dung được phê duyệt nhưng **không quá 90 triệu đồng/hộ** đối với hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo), người có công với cách mạng, hộ dân tộc thiểu số.

- Hỗ trợ tối đa 50% kinh phí thực hiện các nội dung được phê duyệt nhưng **không quá 65 triệu đồng/hộ** đối với hộ khác tham gia dự án.

Cơ sở, lý do đề xuất:

Căn cứ pháp lý: Điểm b, khoản 3 Điều 26 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP quy định: “*Mức hỗ trợ tối đa cho 01 dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, định mức hỗ trợ cho từng đối tượng tham gia thực hiện theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh*”.

Cơ sở thực tiễn:

- Mặc dù điều kiện phát triển giữa các vùng trên địa bàn tỉnh còn có sự khác biệt nhất định, tuy nhiên tình hình chỉ còn 05 xã khu vực II, không còn xã khu vực III (đặc biệt khó khăn); tiêu chí xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo được áp dụng

thống nhất trên phạm vi toàn tỉnh¹; vì vậy cơ quan soạn thảo đề xuất quy định chung một mức hỗ trợ tối đa cho các dự án thực hiện trên địa bàn toàn tỉnh (không phân biệt khu vực) nhằm bảo đảm tính thống nhất.

*** Định mức hỗ trợ tối đa 01 dự án là 5.000 triệu đồng.**

Trên địa bàn tỉnh, các sản phẩm có thể sản xuất theo hình thức sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị bao gồm: lúa, dứa, rau củ quả, cam, bưởi; lợn, bò, hươu, ... Trong đó, dứa và chăn nuôi lợn là hai ngành hàng có quy mô sản xuất tương đối lớn, đã hình thành các vùng sản xuất tập trung và từng bước phát triển liên kết giữa doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm. Riêng đối với sản phẩm dứa đã có doanh nghiệp tham gia thu mua, chế biến phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu. Hai dự án này phản ánh tương đối đầy đủ quy mô đầu tư, cơ cấu chi phí và cơ chế đối ứng của các dự án liên kết thực tế, qua đó bảo đảm việc đề xuất mức hỗ trợ có cơ sở khoa học và phù hợp điều kiện thực tiễn của Hà Tĩnh.

(1) Dự án sản xuất dứa liên kết theo chuỗi giá trị với quy mô dự kiến 30ha, 40 hộ tham gia, bình quân mỗi hộ 0,75ha.

Tổng chi phí dự kiến thực hiện dự án: 7.915.400.000 đồng, trong đó:

- Dự kiến ngân sách nhà nước hỗ trợ: 5.455.400.000 đồng:

+ Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật: 11.600.000 đồng;

+ Giống, vật tư: 5.083.800.000 đồng;

+ Quản lý dự án: 120.000.000 đồng.

+ Làm đất: 240.000.000 đồng;

- Đối ứng của đối tượng tham gia: 2.460.000.000 đồng:

+ Chuyển giao quy trình canh tác dứa đạt chuẩn GlobalGAP; xây dựng hệ thống quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi và quy trình giám sát nội bộ: 900.000.000 đồng;

+ Công lao động: 1.560.000.000 đồng.

(Chi tiết có phụ lục 01 kèm theo).

¹ Hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh được xác định theo quy định Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ và Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT ngày 27/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (riêng năm 2026 đang áp dụng chuẩn nghèo theo Nghị định số 07/2021/NĐ-CP của Chính phủ). Theo đó, tiêu chí đánh giá mức thu nhập của hộ nghèo, hộ cận nghèo là bằng nhau, chỉ khác nhau về số lượng thiếu hụt chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt về dịch vụ xã hội cơ bản.

(2) Dự án chăn nuôi lợn liên kết theo chuỗi giá trị với quy mô dự kiến 20 hộ tham gia với mỗi hộ 05 con lợn nái.

Nhằm mục đích hình thành chuỗi liên kết chăn nuôi lợn khép kín quy trình từ con giống đến thương phẩm, với các khâu chính gồm: liên kết cung ứng lợn nái giống chất lượng cao, quản lý sản xuất lợn con và bao tiêu sản phẩm đầu ra. Dự án hỗ trợ giống lợn nái ban đầu (05 nái/hộ) và các vật tư thiết yếu phục vụ chăn nuôi; đối với lợn con (định mức 01 lợn nái đẻ 20 con lợn con/năm) chỉ hỗ trợ vắc xin, hóa chất, chế phẩm sinh học và thuốc phòng, chống ký sinh trùng theo quy định. Trên cơ sở đó, cơ quan soạn thảo tính toán chi phí thực hiện 01 dự án như sau:

Tổng chi phí thực hiện dự án: 5.940.100.000 đồng, trong đó:

- Dự kiến ngân sách nhà nước hỗ trợ: 2.740.100.000 đồng:

+ Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật: 6.800.000 đồng;

+ Giống, vật tư: 2.613.000.000 đồng

+ Quản lý dự án: 120.000.000 đồng.

- Đối ứng đối tượng tham gia: 3.200.000.000 đồng:

+ Xây dựng, sửa chữa chuồng trại: 2.000.000.000 đồng;

+ Công lao động: 1.200.000.000 đồng;

(Chi tiết có phụ lục 02 kèm theo).

- Về mức hỗ trợ tối đa 01 dự án: Qua dự toán của 02 dự án liên kết theo chuỗi giá trị thuộc hai nhóm sản xuất chủ yếu là cây trồng (dừa) và vật nuôi (lợn) cho thấy nhu cầu ngân sách nhà nước hỗ trợ dao động từ khoảng 2,7 tỷ đồng đến 5,4 tỷ đồng/dự án, tùy theo quy mô sản xuất, số lượng hộ tham gia và đặc điểm của từng ngành hàng. Hai dự án được lựa chọn đều có quy mô tương đối lớn, tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị, bao quát đầy đủ các nội dung hỗ trợ quy định tại Nghị định số 358/2025/NĐ-CP, vì vậy có tính đại diện để xác định mức hỗ trợ tối đa đối với dự án phát triển sản xuất liên kết trên địa bàn tỉnh.

Ngoài ra, cơ quan soạn thảo tham khảo một số địa phương đã ban hành nghị quyết như Tuyên Quang (Nghị quyết số 58/2026/NQ-HĐND ngày 26/6/2026): 5.500 triệu đồng; Quảng Ngãi (Nghị quyết số 73/2026/NQ-HĐND ngày 17/7/2026): 3.000 triệu đồng, Thái Nguyên (Nghị quyết số 63/2026/NQ-HĐND ngày 17/7/2026): 5.500 triệu đồng; Vì vậy, để bảo đảm khả năng cân đối ngân sách địa phương, đồng thời vẫn đáp ứng phần lớn nhu cầu hỗ trợ đối với các dự án quy mô lớn, cơ quan soạn thảo đề xuất quy định mức hỗ trợ tối đa **không quá 05 tỷ đồng/dự án**. Đối với các dự án có tổng mức đầu tư cao hơn, phần kinh phí còn lại do chủ trì liên kết và các đối tượng tham gia tự huy động, phù hợp nguyên tắc Nhà nước chỉ hỗ trợ một phần kinh phí thực hiện dự án.

- Về định mức hỗ trợ cụ thể cho từng đối tượng tham gia dự án: Để bảo đảm quy định tại khoản 14 Điều 3 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP: Ngân sách nhà nước **chỉ hỗ trợ một phần** kinh phí thực hiện dự án cũng như nâng cao trách nhiệm

của người thụ hưởng trong quá trình triển khai, quản lý và duy trì hiệu quả kết quả sau hỗ trợ, cơ quan soạn thảo đề xuất mức hỗ trợ tối đa như sau:

- Hỗ trợ tối đa **90%** kinh phí đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo;

- Hỗ trợ tối đa **70%** kinh phí đối với hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo), người có công với cách mạng, hộ dân tộc thiểu số;

- Hỗ trợ tối đa **50%** kinh phí đối với đối tượng khác tham gia dự án;

Qua dự toán 02 mô hình liên kết theo chuỗi giá trị cho thấy chi phí giống, vật tư bình quân để một hộ tham gia dự án dao động khoảng **130-133 triệu đồng/hộ**, tùy theo ngành hàng sản xuất. Cụ thể:

(1) Dự án trồng dưa liên kết theo chuỗi giá trị có chi phí giống, vật tư liên quan khoảng **133 triệu đồng/hộ**:

- Hỗ trợ tối đa 90% đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo kinh phí tương đương với 119,8 triệu đồng;

- Hỗ trợ tối đa 70% kinh phí đối với hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo), người có công với cách mạng, hộ dân tộc thiểu số tương đương với 93 triệu đồng.

- Hỗ trợ tối đa 50% đối với đối tượng khác tham gia dự án, tương đương với 66,5 triệu đồng.

(2) Dự án chăn nuôi lợn liên kết theo chuỗi giá trị có tổng chi phí giống, vật tư liên quan khoảng **130,6 triệu đồng/hộ**.

- Hỗ trợ tối đa 90% đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo kinh phí tương đương với 117,54 triệu đồng;

- Hỗ trợ tối đa 70% kinh phí đối với hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo), người có công với cách mạng, hộ dân tộc thiểu số tương đương với 91,4 triệu đồng.

- Hỗ trợ tối đa 50% kinh phí đối với đối tượng khác tham gia dự án tương đương với 65,3 triệu đồng.

Như vậy, mức hỗ trợ theo tỷ lệ quy định dao động khoảng 117,5-119,8 triệu đồng/hộ đối với mức hỗ trợ 90%; khoảng 91,4-93 triệu đồng/hộ đối với mức hỗ trợ 70%; và khoảng 65,3-66,5 triệu đồng/hộ đối với mức hỗ trợ 50%. Trên cơ sở đó, để bảo đảm thống nhất trong áp dụng, thuận lợi trong quản lý, thực hiện và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương, cơ quan soạn thảo đề xuất quy định mức hỗ trợ tối đa theo nguyên tắc **không vượt quá kết quả tính toán từ các mô hình đại diện**, đồng thời làm tròn xuống để thuận lợi trong tổ chức thực hiện, cụ thể: không quá **110 triệu đồng/hộ**, **90 triệu đồng/hộ** và **65 triệu đồng/hộ** tương ứng với từng nhóm đối tượng tham gia dự án.

Việc quy định mức hỗ trợ tối đa nhằm bảo đảm có căn cứ áp dụng đối với các dự án quy mô lớn, đồng thời vẫn bảo đảm tính linh hoạt trong quá trình tổ chức

thực hiện. Đối với các dự án có quy mô đầu tư hoặc chi phí đủ điều kiện hỗ trợ thấp hơn, mức hỗ trợ được xác định theo chi phí thực tế và tỷ lệ hỗ trợ quy định do cơ quan phê duyệt dự án quyết định nhưng không vượt quá mức tối đa của Nghị quyết.

2. Hỗ trợ phát triển sản xuất của cộng đồng

2.1. Mức hỗ trợ 01 dự án: 1.000 triệu đồng.

2.2. Định mức hỗ trợ cụ thể cho từng đối tượng tham gia

- Hỗ trợ tối đa **90%** kinh phí thực hiện các nội dung được phê duyệt nhưng không quá **40 triệu đồng/hộ** đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Hỗ trợ tối đa **80%** kinh phí thực hiện các nội dung được phê duyệt nhưng không quá **30 triệu đồng/hộ** đối với hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo), người có công với cách mạng, hộ dân tộc thiểu số.

- Hỗ trợ tối đa **40%** kinh phí thực hiện các nội dung được phê duyệt nhưng không quá **15 triệu đồng/hộ** đối với hộ khác tham gia dự án (ưu tiên các hộ có kinh nghiệm thực hiện các dự án hoặc hoạt động phát triển sản xuất trên địa bàn, có khả năng dẫn dắt, thúc đẩy cộng đồng).

Cơ sở, lý do đề xuất:

Căn cứ pháp lý: Điểm b, khoản 3, Điều 30 Nghị định 358/2025/NĐ-CP quy định: “*Mức hỗ trợ tối đa cho 01 dự án phát triển sản xuất của cộng đồng, định mức hỗ trợ cho từng đối tượng tham gia thực hiện dự án theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh*”

Cơ sở thực tiễn:

- Nghị quyết số 122/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ dự án phát triển sản xuất của cộng đồng tối đa là 500 triệu đồng/01 xã, phường; tuy nhiên quy mô xã hiện nay lớn gần 2-3 lần so với trước đây, việc duy trì mức hỗ trợ tối đa 500 triệu đồng/dự án sẽ dẫn đến phải chia nhỏ thành nhiều dự án, làm tăng khối lượng hồ sơ, chi phí quản lý và giảm hiệu quả đầu tư. Vì vậy, việc nâng mức hỗ trợ tối đa lên **1.000 triệu đồng/dự án** là cần thiết nhằm tập trung nguồn lực, nâng cao quy mô, hiệu quả và tính bền vững của các mô hình sinh kế cộng đồng.

- Tại Hà Tĩnh, năm 2025, trên địa bàn các xã thực hiện 02-03 dự án phát triển sản xuất của cộng đồng; thực hiện tập trung các dự án: chăn nuôi gà, bò, hươu, dê, có một số mô hình sinh kế phi nông nghiệp (hỗ trợ máy nước mía). Các nội dung hỗ trợ bao gồm: Chi phí vật tư, con giống; tập huấn, quản lý dự án. Bình quân mỗi hộ tham gia được hỗ trợ từ 10-18 triệu đồng (đối với chăn nuôi gà, bò) và hỗ trợ 25-28 triệu đồng/hộ đối với chăn nuôi hươu. Tuy nhiên, mức hỗ trợ nêu trên dẫn đến tình trạng đầu tư manh mún, dàn trải, chưa thực sự phát huy được tính bền vững về sinh kế, việc làm cho hộ nghèo, hộ cận nghèo. Mặt khác, giá vật tư, con giống tăng so với giai đoạn trước, cơ quan soạn thảo đề xuất giai đoạn 2026-2030, Hà Tĩnh định mức hỗ trợ cho từng đối tượng tham gia như sau:

- Hỗ trợ tối đa **90%** kinh phí thực hiện các nội dung được phê duyệt nhưng không quá **40 triệu đồng/hộ** đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo.

Đây là nhóm đối tượng có điều kiện kinh tế khó khăn, nguồn lực sản xuất hạn chế, khả năng tích lũy và huy động vốn đối ứng thấp, do đó gặp nhiều khó khăn trong việc tham gia các hoạt động phát triển sản xuất. Việc đề xuất mức hỗ trợ 90% kinh phí thực hiện các nội dung hỗ trợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhằm tạo điều kiện để các đối tượng này tiếp cận tư liệu sản xuất, giống, vật tư, khoa học kỹ thuật và các điều kiện cần thiết khác để phát triển sinh kế, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống và từng bước thoát nghèo bền vững; đồng thời yêu cầu thực hiện đối ứng 10% nhằm nâng cao trách nhiệm và hiệu quả sử dụng nguồn lực hỗ trợ, hạn chế tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào ngân sách nhà nước.

- Hỗ trợ tối đa **80%** kinh phí thực hiện các nội dung được phê duyệt nhưng không quá **30 triệu đồng/hộ** đối với hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo), người có công với cách mạng, hộ dân tộc thiểu số.

Đối tượng này cũng thuộc diện ưu tiên, tuy nhiên mức độ khó khăn đã giảm hơn so với đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, vì vậy đề xuất mức giảm tương quan so với hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Hỗ trợ tối đa **40%** kinh phí thực hiện các nội dung được phê duyệt nhưng không quá **15 triệu đồng/hộ** đối với hộ khác tham gia dự án (ưu tiên các hộ có kinh nghiệm thực hiện các dự án hoặc hoạt động phát triển sản xuất trên địa bàn, có khả năng dẫn dắt, thúc đẩy cộng đồng).

Đề xuất mức hỗ trợ 40% kinh phí thực hiện các nội dung hỗ trợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt là phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, nhằm khuyến khích các hộ có khả năng dẫn dắt cộng đồng tham gia dự án phát triển sản xuất.

3. Hỗ trợ dự án phát triển sản xuất theo nhiệm vụ

a) Mức hỗ trợ tối đa cho 01 dự án: 3.000 triệu đồng.

b) Định mức hỗ trợ cụ thể cho từng đối tượng tham gia dự án

- Hỗ trợ tối đa **90%** kinh phí thực hiện các nội dung được phê duyệt nhưng không quá **50 triệu đồng/hộ** đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Hỗ trợ tối đa **85%** kinh phí thực hiện các nội dung được phê duyệt nhưng không quá **45 triệu đồng/hộ** đối với hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo), người có công với cách mạng, hộ dân tộc thiểu số.

- Hỗ trợ tối đa **75%** kinh phí thực hiện các nội dung được phê duyệt nhưng không quá **40 triệu đồng/hộ** đối với hộ khác tham gia dự án.

Cơ sở, lý do đề xuất:

Căn cứ pháp lý: Tại điểm a, khoản 3, Điều 35 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP quy định: Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí thực hiện 01 dự án tối đa 03 tỷ đồng/01 dự án.

Cơ sở thực tiễn:

Loại cây trồng, vật nuôi bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh chủ yếu như: Gà, bò, lợn, rau củ quả,.. cơ quan soạn thảo dự toán kinh phí thực hiện dự án hỗ trợ chăn nuôi bò, là loại vật nuôi có giá trị kinh tế cao nhất để xác định mức hỗ trợ tối đa cho từng đối tượng tham gia dự án.

Dự án chăn nuôi bò với quy mô dự kiến là 50 hộ tham gia, hỗ trợ 02 con bò/hộ, cụ thể các nội dung như sau:

Tổng kinh phí dự kiến: 4.705.000.000 đồng, bao gồm:

- *Ngân sách nhà nước hỗ trợ: 2.114.000.000 đồng:*

+ Tập huấn kỹ thuật: 14.000.000 đồng;

+ Bò giống: 2.000.000.000 đồng;

+ Kinh phí quản lý dự án: 100.000.000 đồng.

- *Đối ứng của các hộ tham gia: 2.591.000.000 đồng:*

+ Thức ăn, vật tư: 683.000.000 đồng;

+ Xây dựng, sửa chữa chuồng trại: 800.000.000 đồng;

+ Công lao động: 1.000.000.000 đồng;

(Có phụ lục 03 kèm theo)

Với dự toán trên với hỗ trợ 90% tương ứng với 50,23 triệu đồng; 85% tương ứng với 47,4 triệu đồng và 75% tương ứng với 41,8 triệu đồng. Cơ quan soạn thảo đề xuất mức hỗ trợ như sau:

- Hỗ trợ tối đa **90%** kinh phí thực hiện các nội dung được phê duyệt nhưng không quá **50 triệu đồng/hộ** đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Hỗ trợ tối đa **85%** kinh phí thực hiện các nội dung được phê duyệt nhưng không quá **45 triệu đồng/hộ** đối với hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo), người có công với cách mạng, hộ dân tộc thiểu số.

- Hỗ trợ tối đa **75%** kinh phí thực hiện các nội dung được phê duyệt nhưng không quá **40 triệu đồng/hộ** đối với hộ khác tham gia dự án.